TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN ĐỒN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ- ST
Ngày 02/8/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Dương Thị Nga
Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Bé; bà Hoàng Thị Ngọc Lan
- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thanh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: bà Trương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/8/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST- HNGĐ ngày 10/01/2022 về việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993
Địa chỉ: thôn 6, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: anh Phạm Công D, sinh năm: 1982
Địa chỉ: khu 8, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 cho đến ngày 25/6/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại khu 8, thị trấn C, huyện V. Đến tháng 02 năm 2021, xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, anh D không tu chí làm ăn, vợ, chồng không có việc làm ổn định thường xuyên cãi chửi nhau, anh D nóng tính, đánh, đập chị T nhiều lần nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 11 năm 2021, chị T về sống cùng bố, mẹ đẻ và ly thân anh D từ đó đến nay, hai vợ chồng không còn quan hệ tình cảm và không còn quan tâm đến nhau tuy đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng vẫn không đoàn tụ được. Đến nay tình cảm của chị T đối với anh D không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục kéo dài hôn nhân, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh D.

Về quan hệ con chung: chị và anh D có một con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 22/7/2019, hiện tại con H đang sống cùng anh D, chị T ở nhờ bên nhà ngoại,

chưa có việc làm và chỗ ở ổn định nên không nuôi con được, khi ly hôn chị T giao con H cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản, vay nợ chung: chị T và anh D không có tài sản chung và không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Công D trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình vợ chồng chung sống như chị T đã trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không có việc làm ổn định nên thường xuyên cãi chửi nhau làm cho không khí gia đình trở nên căng thẳng. Ngày 30/11/2021, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh D từ đó đến nay, chị T không còn quan tâm đến anh D. Quá trình giải quyết vụ án anh D có quan điểm đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 01/8/2022, anh D thay đổi quan điểm có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa và đồng ý ly hôn chị T vì đến nay tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: anh D và chị T có 01 con chung, khi ly hôn anh D đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con Phạm Đức H, sinh ngày 22/7/2019, cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại con H đang sống cùng anh và anh đang làm nghề lái xe có mức thu nhập và có nhà ở của bố mẹ cho đủ điều kiện để nuôi dưỡng con H trưởng thành.

Về tài sản, vay nợ chung: anh D và chị T không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 27/6/2022: Tại khu 8, thị trấn C, huyện V nơi vợ chồng chị T và anh D cư trú khi chung sống, đã xác nhận: về tình trạng hôn nhân của chị T, anh D đã xảy ra mâu thuẫn gia đình trong T gian dài, nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến sống ly thân. Chị T, anh D có một con chung là Phạm Đức H sau khi vợ, chồng sống ly thân cháu H vẫn sống cùng anh D và được nuôi dưỡng, giáo dục tốt, anh D làm nghề lái xe, có thu nhập từ 10 đến 12 triệu đồng/tháng và có nhà ở khang trang, ổn định cùng bố mẹ anh D là ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị T, tại khu 8, thị trấn C, huyện V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách thanh gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ: Đảm bảo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Các đương sự trong vụ án chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng: chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Công D. Giao con Phạm

Đức H, sinh ngày 22/7/2019, cho anh Phạm Công D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh D có nơi cư trú tại khu 8, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, đến ngày 25/6/2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng anh, chị đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ cuối tháng 11 năm 2021 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D mong muốn chị T về đoàn tụ, Tòa án đã tiến hành triệu tập và hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh D, chị T đoàn tụ nhưng chị T cương quyết yêu cầu ly hôn anh D.

Ngày 01/8/2022, anh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng ý ly hôn chị T và đề nghị được nuôi con chung là Phạm Đức H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã ly thân nhau từ cuối tháng 11 năm 2021 đến nay, không còn quan hệ vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không còn có hạnh phúc, chị T cương quyết xin ly hôn và anh D có văn bản đồng ý ly hôn tuy nhiên chị T, anh D đều xin vắng mặt tại phiên Tòa như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai người đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: chị T và anh D có một con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 22/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh D đều đề nghị, sau khi ly hôn giao con H cho anh D nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, Biên bản xác minh tại khu 8, thị trấn C, nơi anh D và cháu H đang cư trú thể hiện từ khi chị T, anh D sống ly thân cho đến nay cháu H vẫn sống ổn định với anh D, anh D có công việc, thu nhập và điều kiện về nhà ở tốt hơn so với chị T. Vì vậy việc giao con Phạm Đức H cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của anh D, chị T và phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản, vay nợ chung: chị T, anh D đều không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[**5]Về án phí:** chị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền khánh cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Công D.

- *Về quan hệ con chung:* giao con Phạm Đức H, sinh ngày 22/7/2019, cho anh Phạm Công D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về án phí:* chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011043, ngày 06/01/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Vân Đồn;
- Chi cục THADS huyện Vân Đồn;
- UBND thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

TM. HỘI ĐỒNG XET XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Nga